

CTCP QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 38/2023/CBTT-LHC

V/v: CBTT Báo cáo tài chính bán niên  
năm 2023 đã được soát xét

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
- Trụ sở chính: Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
- Điện thoại: (8428) 73017786
- Fax: (8428) 73022268
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Thư
- Chức vụ: Chuyên viên pháp chế
- Địa chỉ: Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (8428) 73017786
- Fax: (8428) 73022268

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được soát xét.

Thông tin nêu trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <https://lighthousecapital.com.vn/gioi-thieu#quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Người thực hiện công bố thông tin**



*Nguyễn Thanh Thư*



Báo cáo tài chính giữa niên độ  
đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
đã được soát xét

Đơn vị kiểm toán :

**CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38.205.944 - Fax: (028) 38.205.942

Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)

E-mail: [infor@aascs.com.vn](mailto:infor@aascs.com.vn)

## Mục lục

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	3 - 5
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	6
<b>Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 27



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 131/GPĐC-UBCK ngày 31/12/2021 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 11 ngày 12/01/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**  
Trụ sở chính : Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, p.Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.  
Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng.  
Ngành nghề kinh doanh : - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán  
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

### Tình hình kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát nội bộ và Ban Kiểm toán nội

Họ tên	Chức danh	Quyết định bổ nhiệm	Ngày
--------	-----------	---------------------	------

#### Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

- Ông Hồ Hoàng Lâm	Chủ tịch	11/2021/NQ-HĐQT	04/06/2021
- Ông Nguyễn Công Hiệp	Thành viên	04/2021/NQ-ĐHĐCĐ	22/11/2021
- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Thành viên	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	29/01/2021

#### Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021
- Bà Bùi Thuý Hoà	Kế toán trưởng	03/2023/QĐ-HĐQT	16/06/2023

#### Các thành viên của Ban Kiểm soát nội bộ:

- Bà Trần Thị Thuý Chung	Trưởng ban	02/2015/QĐ-HĐQT	06/05/2015
- Bà Quách Thị Hoà	Kiểm soát tuân thủ	07/2022/QĐ-TGD	24/02/2022

#### Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ:

- Ông Hồ Ngọc Thăng	Trưởng ban	03/2022/QĐ-HĐQT	13/01/2022
- Ông Nguyễn Duy Lương	Thành viên	04/2022/QĐ-HĐQT	13/01/2022

#### Người Đại diện theo pháp luật

- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021
----------------------------	---------------	-----------------	------------

**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 29/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Lighthouse đã thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng.

Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 30/06/2023 của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán của CTCP QLQ Đầu tư Lighthouse. Ngày 20/07/2023, UBCK Nhà nước đã có công văn số 4823/UBCK-QLQ về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu của cổ đông hiện hữu.

Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 21/07/2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
- Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu	: Ngày 31/07/2023
- Thông báo chào bán	: Ngày 01/08/2023
- Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền	: Từ ngày 01/08/2023 đến ngày 18/08/2023
- Thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền mua	: Từ ngày 01/08/2023 đến ngày 16/08/2023

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse  
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, p.Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty.

Tp.Hồ Chí Minh, 14 tháng 07 năm 2023



**T.M. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG**  
Tổng Giám đốc



Số : ...603 /BCKT/TC/2023/AASCS

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse, được lập ngày 14 tháng 7 năm 2023, từ trang 7 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán được quy định tại thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2023  
**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**TẠ QUANG LONG**

Giấy CN ĐKHN KTV số: 0649-2023-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>24.945.586.083</b>	<b>25.859.179.947</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>2.986.586.849</b>	<b>1.325.454.822</b>
1. Tiền	111		2.986.586.849	1.325.454.822
2. Tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>21.617.324.238</b>	<b>23.358.197.424</b>
1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		21.617.324.238	23.358.197.424
2. Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	V.03	<b>201.521.847</b>	<b>994.000.633</b>
1. Phải thu khách hàng	131		154.600.000	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	432.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản hoạt động nghiệp vụ	134		46.921.847	403.568.633
5. Các khoản phải thu khác	135		-	590.000.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
7. Hàng tồn kho	140		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	V.04	<b>140.153.149</b>	<b>181.527.068</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		135.153.149	181.527.068
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.276.998.858</b>	<b>2.529.184.248</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.620.393.527</b>	<b>1.720.672.824</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	376.911.798	326.991.097
- Nguyên giá	222		535.019.227	416.837.409
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(158.107.429)	(89.846.312)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	1.243.481.729	1.393.681.727
- Nguyên giá	228		1.502.000.000	1.502.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(258.518.271)	(108.318.273)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>656.605.331</b>	<b>808.511.424</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	468.985.331	620.891.424
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.08	187.620.000	187.620.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.222.584.941</b>	<b>28.388.364.195</b>

1 -  
V.G.  
PHI  
AN  
ĐAI  
ITHO  
P H





NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105.036.979</b>	<b>1.421.495.734</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.036.979</b>	<b>1.421.495.734</b>
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	1.057.057.037
3. Người mua trả trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	78.384.124	291.047.722
5. Phải trả người lao động	315		4.000.000	-
6. Chi phí phải trả	316	V.11	-	51.073.320
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả, phải nộp khác	319	V.12	12.864.225	12.529.025
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		9.788.630	9.788.630
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.13	<b>27.117.547.962</b>	<b>26.966.868.461</b>
<b>I. Nguồn vốn</b>	<b>410</b>		<b>27.117.547.962</b>	<b>26.966.868.461</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.984.541.846	1.833.862.345
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>27.222.584.941</b>	<b>28.388.364.195</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	3		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	-
5. Ngoại tệ các loại	5		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	6		21.034.500.000	24.833.050.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	7	V.02	20.924.500.000	24.833.050.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	8		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	9		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	10		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	11		110.000.000	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	12		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	13		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	14		-	-
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng	15		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	20		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30	VI.	-	50.447.301.721
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	31		-	50.447.301.721
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	32		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	40	VI.	-	244.787.096.400
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	41		-	244.787.096.400
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	42		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	50	VI.	-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	51	VI.	-	5.900.000

Người lập bảng



Bùi Thuý Hoà

Kế toán trưởng



Bùi Thuý Hoà

Tp. Hồ Chí Minh, 14 tháng 07 năm 2023



Tổng Giám đốc

Nguyễn Lê Đình Quang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>335.305.388</b>	<b>2.652.908.765</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>335.305.388</b>	<b>2.652.908.765</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	-	308.000.000
<b>5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12</b>		<b>335.305.388</b>	<b>2.344.908.765</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	VI.3	3.488.657.683	3.232.806.157
7. Chi phí tài chính	14	VI.4	24.827.955	2.928.750.138
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	VI.5	3.605.762.316	3.017.120.379
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16</b>		<b>193.372.800</b>	<b>(368.155.595)</b>
10. Thu nhập khác	17	VI.6.1	102.708.284	414.572.554
11. Chi phí khác	18	VI.6.2	102.738.284	722.968.340
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>19</b>		<b>(30.000)</b>	<b>(308.395.786)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>20</b>		<b>193.342.800</b>	<b>(676.551.381)</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	VI.7	42.663.299	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>22</b>		<b>150.679.501</b>	<b>(676.551.381)</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>60</b>	<b>(271)</b>

Người lập bảng

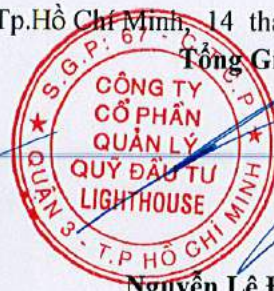
Bùi Thuý Hoà

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hoà

Tp.Hồ Chí Minh, 14 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		691.952.174	2.150.397.155
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.213.451.971)	(2.083.913.664)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.567.892.219)	(1.562.299.742)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(154.028.234)	(245.250.372)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.314.726.814	104.121.600
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(52.196.774)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>19.109.790</b>	<b>(1.636.945.023)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(118.181.818)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	336.542.421
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.097.695.000)	(37.808.760.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.856.968.186	35.496.558.000
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		930.869	2.065.296
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.642.022.237</b>	<b>(1.973.594.283)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.661.132.027</b>	<b>(3.610.539.306)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.325.454.822	5.950.553.234
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>2.986.586.849</b>	<b>2.340.013.928</b>

3501172P  
CÔNG TY  
TNHH  
CH VỤ TƯ VÀ  
CHÍNH KẾ TỐ  
À KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
- T.P HỒ CHÍ MINH

S. G. P.  
QUẢN LÝ  
QUỸ ĐẦU TƯ  
LIGHTHOUSE  
QUẬN 3 - T. P HỒ CHÍ MINH

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2023

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thuý Hoà

Bùi Thuý Hoà

Nguyễn Lê Đình Quang

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	66.503.058	-	-	-	-	-	66.503.058	-
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	66.503.058	133.006.116	-	-	-	-	66.503.058	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	1.157.153.208	1.833.862.345	-	(685.438.177)	150.679.501	-	471.715.031	1.984.541.846
<b>Cộng</b>	<b>26.290.159.324</b>	<b>26.966.868.461</b>	<b>-</b>	<b>(685.438.177)</b>	<b>150.679.501</b>	<b>-</b>	<b>25.604.721.147</b>	<b>27.117.547.962</b>

Người lập bảng

Bùi Thuý Hoà

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hoà

Tp.Hồ Chí Minh, 14 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Quản lý Quỹ, dịch vụ tài chính
- Ngành nghề kinh doanh : + Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán  
+ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Tổng số nhân viên : 19 người  
Trong đó  
- Nhân viên quản lý : 01 người  
- Nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ : 11 người

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ hành nghề đăng ký hoạt động 06 tháng đầu năm 2023 như sau:

Stt	Họ tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Chức vụ	Bộ phận
1	Nguyễn Lê Đình Quang	001917/QLQ	12/08/2020	Tổng Giám đốc	Ban điều hành
2	Trần Văn Mẫn	001069/QLQ	21/01/2014	Trưởng phòng	P. Quản lý danh mục
3	Quách Thị Hòa	003976/MGCK	07/04/2017	Nhân viên	Kiểm soát nội bộ
4	Trần Thị Thùy Chung	001032/QLQ	01/11/2013	Trưởng phòng	Kiểm soát nội bộ
5	Nguyễn Phúc Nguyên	001067/QLQ	14/01/2014	Phó phòng	P. Quản lý danh mục
6	Trần Thị Thu Tâm	000657/QLQ	25/05/2010	Nhân viên	P. Phân tích Đầu tư
7	Phạm Anh Vũ	001552/QLQ	31/03/2017	Nhân viên	P. Phân tích Đầu tư
8	Bùi Ngọc Ánh	002586/PTTC	03/12/2020	Phó phòng	P. Quản lý danh mục
9	Nguyễn Ngọc Quỳnh	001618/QLQ	06/11/2017	Chuyên viên	P. HCNS
10	Mai Văn Nguyên	001256/QLQ	27/05/2015	Chuyên viên	P. HCNS
11	Võ Thị Thuý Lan	001161/QLQ	22/10/2014	Nhân viên	P. Phân tích Đầu tư

### II. KỶ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ ban hành và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

### Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### **Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.



### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1



C. P.  
TY  
HẠN  
HỮU  
LIÊN  
QUỐC  
TÊN  
HỒ C

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

### 1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền mặt</b>	<b>16.196.794</b>	<b>132.845.028</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>267.328.665</b>	<b>739.265.052</b>
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam- CN NKKN	262.646.977	664.805.134
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Hàm Nghi	4.681.688	74.459.918
<b>Tiền tại công ty chứng khoán</b>	<b>2.703.061.390</b>	<b>453.344.742</b>
+ CTCP Chứng khoán Bảo Minh	2.703.061.390	453.344.742
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.986.586.849</u></b>	<b><u>1.325.454.822</u></b>

### 2 . Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>- Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>21.617.324.238</b>	<b>23.358.197.424</b>
+ Chứng khoán niêm yết	-	452.615.000
+ Chưa niêm yết - Upcom	21.617.324.238	22.905.582.424
+ Trái phiếu	-	-
<b>- Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>21.617.324.238</u></b>	<b><u>23.358.197.424</u></b>

### Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Chứng khoán kinh doanh (*)</b>				
+ CK niêm yết	-	-	452.615.000	452.615.000
+ CK chưa niêm yết	21.617.324.238	6.097.695.000	7.385.953.186	22.905.582.424
<b>b. Đầu tư ngắn hạn khác</b>				
<b>Cộng</b>	<b><u>21.617.324.238</u></b>	<b><u>6.097.695.000</u></b>	<b><u>7.838.568.186</u></b>	<b><u>23.358.197.424</u></b>

**2 . Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
<b>I. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>2.092.450</b>	<b>21.617.324.238</b>	<b>2.483.305</b>	<b>23.358.197.424</b>
- Cổ phiếu - Chứng khoán niêm yết DBD	-	-	11.500	452.615.000
- Cổ phiếu - Chứng khoán chưa niêm yết				
BMS	51	-	51	-
DCF	85.700	4.407.790.000	85.700	4.407.790.000
NAB	2.006.699	17.209.534.238	2.386.054	18.497.792.424
<b>II. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.092.450</b>	<b>21.617.324.238</b>	<b>2.483.305</b>	<b>23.358.197.424</b>

**3 . Các khoản phải thu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>3.1. Phải thu khách hàng</b>	<b>154.600.000</b>	<b>-</b>
- CTCP Chứng khoán Bảo Minh	154.600.000	-
<b>3.2. Trả trước cho người bán</b>	<b>-</b>	<b>432.000</b>
+ Cty TNHH Dịch vụ Lộc Xanh	-	432.000
<b>3.3. Phải thu nội bộ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3.4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ</b>	<b>46.921.847</b>	<b>403.568.633</b>
- Phải thu hoạt động quản lý quỹ	46.921.847	-
+ Quỹ Đầu tư trái phiếu LHBF	46.921.847	-
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	403.568.633
+ Công ty Cổ Phần Artemis Investment	-	403.568.633
<b>3.5. Phải thu khác</b>	<b>-</b>	<b>590.000.000</b>
- Quỹ Đầu tư trái phiếu LHBF	-	40.000.000
- Cty Cổ phần Thương Mại Sản Xuất Độc Lập	-	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>201.521.847</b>	<b>994.000.633</b>

0501172  
CÔNG TY  
TNHH  
DỊCH VỤ TƯ  
VẤN KẾ  
TOÁN KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
T.P. HỒ CHÍ MINH

**4 . Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn	135.153.149	181.527.068
- Tạm ứng	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>140.153.149</b>	<b>181.527.068</b>

**5 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	155.870.000	119.090.909	141.876.500	416.837.409
2. Số tăng trong năm	-	118.181.818	-	118.181.818
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	155.870.000	237.272.727	141.876.500	535.019.227
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	57.970.176	426.849	31.449.287	89.846.312
2. Khấu hao trong năm	15.586.992	38.486.477	14.187.648	68.261.117
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	73.557.168	38.913.326	45.636.935	158.107.429
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	97.899.824	118.664.060	110.427.213	326.991.097
2. Tại ngày cuối năm	82.312.832	198.359.401	96.239.565	376.911.798

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay : không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý : không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện : không có

**6 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sở hữu	Phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	-	570.000.000	932.000.000	1.502.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	570.000.000	932.000.000	1.502.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	-	105.311.821	3.006.452	108.318.273
2. Khấu hao trong năm	-	57.000.000	93.199.998	150.199.998
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	162.311.821	96.206.450	258.518.271
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	464.688.179	928.993.548	1.393.681.727
2. Tại ngày cuối năm	-	407.688.179	835.793.550	1.243.481.729

**7 . Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Phát sinh tăng	Kết chuyển vào CPSX trong	Số đầu năm
- Thiết bị văn phòng	204.780.533	15.454.545	75.041.518	264.367.506
- Sửa chữa văn phòng	243.169.230	-	91.188.456	334.357.686
- Dịch vụ CNTT	12.864.000	9.360.000	4.296.000	7.800.000
- Bộ phận thương hiệu	7.555.568	-	5.666.664	13.222.232
- Sử dụng tên miền	616.000	-	528.000	1.144.000
<b>Cộng</b>	<b>468.985.331</b>	<b>24.814.545</b>	<b>176.720.638</b>	<b>620.891.424</b>

**8 . Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền cọc thuê văn phòng	187.200.000	187.200.000
- Khác	420.000	420.000
<b>Cộng</b>	<b>187.620.000</b>	<b>187.620.000</b>

**9 . Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- CTCP Fincorp	-	932.000.000
- Cty TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT	-	57.037
- CTCP phần mềm Bravo	-	125.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.057.057.037</b>

**10 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	-	78.000.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	42.663.299	154.028.234
Thuế Thu nhập cá nhân	35.720.825	59.019.488
<b>Cộng</b>	<b>78.384.124</b>	<b>291.047.722</b>

**11 . Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả khác	-	51.073.320
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>51.073.320</b>

**12 . Phải trả phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.864.225	12.529.025
<b>Cộng</b>	<b>12.864.225</b>	<b>12.529.025</b>

M.S.D.N.  
T  
QUAN  
67  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
QUẢN  
LÝ ĐẦU TƯ  
LIGHTHOUSE  
T.P

13 Nguồn vốn chủ sở hữu:		a Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:					
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng	
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	<b>66.503.058</b>	<b>66.503.058</b>	<b>1.157.153.208</b>	<b>26.290.159.324</b>	
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	
- Góp vốn	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	
- Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	(676.551.381)	(676.551.381)	
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	(8.886.796)	(8.886.796)	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	<b>66.503.058</b>	<b>66.503.058</b>	<b>471.715.031</b>	<b>25.604.721.147</b>	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	-	<b>133.006.116</b>	<b>1.833.862.345</b>	<b>26.966.868.461</b>	
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
- Góp vốn	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	150.679.501	150.679.501	
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.000.000.000</b>	-	-	<b>133.006.116</b>	<b>1.984.541.846</b>	<b>27.117.547.962</b>	



HỒ C  
TƯ TI  
LÝ  
TƯ  
TỶ  
HÀN  
C. J



13 Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
+ Số lượng cp đã phát hành	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	đồng/cp

c. Chi tiết nguồn vốn kinh doanh

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/ Tổng vốn điều lệ
- Cá nhân	2.500.000	25.000.000.000	100,00%
<b>Tổng</b>	<b>2.500.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>100%</b>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Đơn vị tính: VND

1 . Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	265.584.899	-
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	69.720.489	2.652.908.765
<b>Cộng</b>	<b>335.305.388</b>	<b>2.652.908.765</b>

2 . Chi phí hoạt động kinh doanh

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	308.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>308.000.000</b>

3 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi từ việc bán chứng khoán tự doanh	3.469.326.814	3.230.740.861
Lãi từ cổ tức được chia	18.400.000	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn và dự thu	930.869	2.065.296
<b>Cộng</b>	<b>3.488.657.683</b>	<b>3.232.806.157</b>

**4 . Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh	-	2.815.813.961
Phí giao dịch chứng khoán và chi phí khác	24.827.955	112.936.177
<b>Cộng</b>	<b><u>24.827.955</u></b>	<b><u>2.928.750.138</u></b>

**5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.957.031.516	1.659.742.995
Chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng	211.754.883	229.155.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.461.115	62.903.238
Thuế phí và lệ phí	124.593.515	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	293.821.140	777.683.605
Chi phí bằng tiền khác	800.100.147	283.634.549
<b>Cộng</b>	<b><u>3.605.762.316</u></b>	<b><u>3.017.120.379</u></b>

**6 . Thu nhập và chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>6.1. Thu nhập khác</b>	<b>102.708.284</b>	<b>414.572.554</b>
Thu nhập khác	102.708.284	414.572.554
<b>6.2. Chi phí khác</b>	<b>102.738.284</b>	<b>722.968.340</b>
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	621.791.572
Chi phí khác	102.738.284	101.176.768
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>(30.000)</u></b>	<b><u>(308.395.786)</u></b>

**7 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận trước thuế	193.342.800	(676.551.381)
Điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận	19.973.695	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	38.373.695	-
+ Chi phí khác không hợp lý, hợp lệ	38.373.695	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(18.400.000)	-
+ Cổ tức nhận được	(18.400.000)	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b><u>213.316.495</u></b>	<b><u>(676.551.381)</u></b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
+ Thuế TNDN theo quy định	42.663.299	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b><u>42.663.299</u></b>	<b><u>-</u></b>

**8 Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh:**

**8.1. Hoạt động quản lý quỹ**

- Tổng số Quỹ đang thực hiện quản lý	:	1	quỹ
- Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ đang thực hiện quản lý tại ngày 30/06/2023	:	57.948.031.881	đồng
- Số lượng Quỹ lập trong năm	:	1	quỹ
- Phí quản lý thu được trong năm	:	265.584.899	đồng

Quỹ đầu tư trái phiếu Lighthouse được chào bán theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 304/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/09/2022 và Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 71/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2022, cụ thể:

- Tên Quỹ	:	<b>Quỹ đầu tư trái phiếu Lighthouse</b>
- Công ty Quản lý Quỹ	:	Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Lighthouse
- Tên viết tắt	:	LHBF
- Tên tiếng Anh	:	Lighthouse capital bond fund
- Ngân hàng giám sát	:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Quy mô quỹ đầu kỳ	:	50.435.000.000 đồng
Bảng chữ	:	Năm mươi tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng
- Số chứng chỉ quỹ	:	5.043.500 chứng chỉ
- Mệnh giá chứng chỉ quỹ	:	10.000 (mười nghìn) đồng / chứng chỉ
- Loại quỹ đầu tư chứng khoán	:	Quỹ mở
- Thời hạn hoạt động quỹ	:	không giới hạn thời gian hoạt động

**8.2. Hoạt động nhận ủy thác đầu tư chứng khoán**

- Tổng số hợp đồng đang thực hiện quản lý			
+ Còn hiệu lực	:	-	hợp đồng
+ Đã thanh lý	:	1	hợp đồng
- Tổng số vốn nhận ủy thác			
+ Còn hiệu lực	:	-	đồng
+ Đã thanh lý	:	452.000.000.000	đồng
- Phí quản lý thu được trong kỳ	:	69.720.489	đồng
Trong đó :			
+ <i>Phí quản lý</i>	:	69.720.489	đồng
+ <i>Thưởng</i>	:	-	đồng

**Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2023, Công ty thực hiện Quản lý Danh mục đầu tư với:**

+ Công ty Cổ phần Artemis Investment: theo hợp đồng 02/2021/HĐUT/AI-LHC ngày 29/12/2021, giá trị vốn ủy thác ghi trên hợp đồng là 452.000.000.000 VND. Công ty đã tiến hành thanh lý hợp đồng Quản lý danh mục đầu tư với CTCP Artemis Investment theo Biên bản thanh lý số 01/2023/TLHĐ/AI-LHC tại ngày 31/01/2023.

**8.3. Hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán** : không phát sinh

**8.4. Các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ** : không phát sinh



**9 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>9.1. Bố trí cơ cấu tài sản:</b>		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	1,97%	1,47%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	91,64%	91,09%
<b>9.2. Tỷ suất sinh lợi:</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	44,94%	0,00%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	0,56%	-2,51%
<b>9.3. Tình hình tài chính:</b>		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	0,39%	5,01%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	23424,05%	1736,46%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	5,98%	6,38%

**VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 Thông tin về các bên liên quan**

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

- Tiền lương của các thành viên chủ chốt 06 tháng đầu năm 2023:

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	235.164.150 đồng

**2 Báo cáo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, doanh thu chủ yếu từ hoạt động quản lý quỹ nên công ty không trình bày báo cáo bộ phận

**3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán, Số liệu so sánh trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam - AASCS.

Người lập bảng



Bùi Thuý Hoà

Kế toán trưởng



Bùi Thuý Hoà

Tp.Hồ Chí Minh, 14 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang